

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **62/2020/DS-ST**

Ngày: 22/9/2020

V/V tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Hải
2. Ông Lê Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà **A**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 116, đường số 3, đường b, phường B1, huyện B2, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **A1**, sinh năm 1973;

Ông **A2**, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Khu phố C, phường C1, thị xã C2, tỉnh Tiền Giang.

(Bà A có mặt; ông A2 và bà A1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà A trình bày:

Do bà A và ông A2, bà A1 là chỗ bạn bè quen biết nên ngày 13/5/2017 bà có cho vợ chồng ông A2 và bà A1 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng (tương đương với số tiền là 5.000.000 đồng). Thời hạn vay là 06 tháng (kể từ ngày 13/5/2017 đến ngày 13/11/2017. Khi vay tiền thì ông A2, bà A1 có lập Hợp đồng vay và ký tên vào hợp đồng cho bà. Nhưng khi đến hạn thì ông A2, bà A1 không trả tiền cho bà như đã thỏa thuận. Từ tháng 02/2018 đến nay bà đã nhiều lần yêu cầu ông A2, bà A1

trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi theo như thỏa thuận ban đầu nhưng bà A1, ông A2 không trả mà hứa hẹn để kéo dài thời gian cho đến nay.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông A2 và bà A1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/02/2018 đến ngày 13/11/2019 là 200.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 21 tháng = 63.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông A2 và bà A1 đã được Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông A2, bà A1 không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông A2, bà A1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông A2, bà A1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông A2 và bà A1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố C, phường C1, thị xã C2, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà A yêu cầu bị đơn ông A2 và bà A1 liên đới trả số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/02/2018 đến ngày 13/11/2019 là 63.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà A xác định phía bà có cho ông A2, bà A1 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 13/5/2017 đến 13/11/2017, lãi suất 2,5%/tháng (5.000.000 đồng/tháng). Phía bà A cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là bà Dung có cho bà A1, ông A2 vay tiền cụ thể là bản chính hợp đồng vay tiền ông A2, bà A1 ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng vay tiền; nên yêu cầu khởi kiện của bà A là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Bị đơn ông A2, bà A1 dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông A2, bà A1 vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn ông A2, bà A1 đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn ông A2, bà A1 phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn ông A2, bà A1 đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền hui như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không, điều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn ông A2, bà A1 đã thừa nhận số tiền còn nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn ông A2, bà A1 phải trả nên ông A2, bà A1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ của nguyên đơn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Bị đơn ông A2, bà A1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên cần buộc phía bị đơn ông A2, bà A1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà A số tiền 200.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn bà A yêu cầu ông A2, bà A1 trả tiền lãi từ ngày 13/02/2018 đến ngày 13/11/2019 là 21 tháng $\times 1,5\%/tháng \times 200.000.000$ đồng = 63.000.000 đồng, là phù hợp với khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà A trình bày trong khoản thời gian vay tiền từ ngày 13/5/2017 đến ngày 13/11/2017 thì bị đơn có trả được cho bà 18.000.000 đồng và 03 thùng nhớt trị giá 3.900.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi bà đã nhận là 21.900.000 đồng. Theo nội dung của hợp đồng và lời trình bày của bà A thì hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 2.5%/tháng căn cứ theo quy định tại Điều 468 thì lãi suất trên đã vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Nên cần điều chỉnh lại mức lãi suất như sau $1.67\%/tháng \times 6$ tháng $\times 200.000.000$ đồng = 20.040.000 đồng, nên số tiền lãi bà A đã nhận vượt quá so với số tiền lãi quy định là 1.860.000 đồng. Phần lãi vượt quá sẽ được căn trừ vào số tiền lãi 63.000.000 đồng. Vì vậy, ông A2 và A1 phải trả cho bà A số tiền lãi là 63.000.000 đồng – 1.860.000 đồng = 61.140.000 đồng.

[6] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn bà A yêu cầu bị đơn ông A2 và bà A1 trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông A2 và bà A1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Do các bên đương sự không thỏa thuận được thời gian trả nợ nên về phương thức trả, thời gian trả số tiền 261.140.000 đồng do các bên thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A. Buộc bị đơn ông A2 và bà A1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền 261.140.000 đồng.

[8] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 261.140.000 đồng, nên bị đơn ông A2 và bà A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 261.140.000 đồng. Đối với phần yêu

cầu của nguyên đơn không được chấp nhận thì nguyên đơn phải chịu án phí DSST đối với số tiền 1.860.000 đồng không được chấp nhận. Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Số tiền án phí nguyên đơn bà A phải chịu là 300.000 đồng. Số tiền án phí bị đơn ông A2, bà A1 liên đới chịu tiền án phí là $261.140.000 \text{ đồng} \times 5\% = 13.057.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

Buộc bị đơn ông A2 và bà A1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà A số tiền 261.140.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông A2 và bà A1 liên đới chịu 13.057.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 6.575.000 đồng tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số 0000757 ngày 10/7/2020 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Nên hoàn lại cho bà A số tiền 6.275.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bà A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông A2 và bà A1 được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Thoa